

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM
NGŨ VĂN - KHỐI 11

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt: Nghị luận, biểu cảm.	1,0
	2	Biện pháp: - Liệt kê: <i>nền tảng kiến thức, rèn luyện, nghiên cứu cẩn thận, lòng tự tin và năng lực.</i> → Tác dụng: + Nhấn mạnh đặc điểm của mạo hiểm có chuẩn bị. + Làm cho câu văn hấp dẫn và khơi gợi cảm xúc cho người đọc	1,0
	3	- HS trả lời đồng ý hoặc không đồng ý. - Lí giải hợp lí, không quá dài dòng. - Có thể có những ý sau: Nếu đồng tình: + Không dám mạo hiểm sẽ không phát huy được năng lực bản thân, cuộc sống sẽ không có đột phá, phí hoài thời gian, nhiệt huyết. + Nếu dám chấp nhận thử thách và thất bại, chúng ta sẽ có những trải nghiệm quý giá cho bản thân, trưởng thành hơn, tránh được những thất bại tương tự. Nếu không đồng tình: + Trong cuộc sống có những việc không thể tùy tiện mạo hiểm được. + Trước khi làm việc gì mạo hiểm, cần cân nhắc đến dự an toàn cho mình, cho cộng đồng. Phải nghiên cứu kĩ lưỡng, tham khảo thêm ý kiến hay sự cho phép của người khác.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	NLXH:	2,0
		a. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Nêu được ý nghĩa của việc biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống	0,25
		b. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.	1,25
		- Ý nghĩa: Biết nắm bắt cơ hội đúng thời điểm, đúng hoàn cảnh sẽ: + Giúp mọi người có điều kiện phát huy tối đa năng lực, sở trường của mình. + Giúp ta tận dụng được tối đa mọi nguồn lực để có thể đạt được mục tiêu là thành công trong công việc, trong cuộc sống. + Giúp ta tiết kiệm thời gian, công sức đáp ứng kì vọng của những người quan tâm tạo cơ hội cho chúng ta. + ...	
		c. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	NLVH	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.	0,25

	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,5
	Phân tích bài thơ <i>Chiều tối</i> (Mộ).	
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp theo trình tự, sử dụng tốt các thao tác lập luận, biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng, có cảm nhận sâu sắc.	3,5
	1. Mở bài: Giới thiệu tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm <i>Chiều tối</i> (Mộ), nội dung khái quát của bài thơ. 2. Thân bài * Bức tranh thiên nhiên: <i>Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ, Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không</i> - Thời gian: Buổi chiều. - Không gian: núi rừng. - Hình ảnh thiên nhiên: + “Chim mỏi”: Cánh chim mỏi sau một ngày kiếm ăn vất vả bay về rừng tìm chốn ngủ như con người mệt mỏi sau một ngày đày ải → sự tương đồng → tình yêu của Bác dành cho mọi sự sống trên đời. + “Chòm mây lơ lửng”: chòm mây lững lờ trôi trên bầu trời cao rộng → hồn người thư thái. - Nghệ thuật: Đối: cánh chim – về núi >< mây - ở lại → đối lập giữa sum họp và lênh đênh trôi dạt. ⇒ Một cái tôi khao khát tự do, yêu thiên nhiên với nghị lực kiên cường dù trong hoàn cảnh tù đày vẫn cảm nhận thiên nhiên trong tư thế ngẩng cao đầu. * Bức tranh đời sống: <i>Cô em xóm núi xay ngô tối Xay hết, lò than đã rực hồng.</i> - Hình ảnh “cô em” trẻ trung, khỏe mạnh trong tư thế lao động → bức tranh trở nên vui tươi, hiện đại. - Nghệ thuật điệp vòng: “ma bao túc – bao túc ma hoàn” gợi vòng xoay không dứt của động tác xay ngô → con người tuy vất vả mà tự do. - Hình ảnh “lò dĩ hồng” làm bức tranh bừng sáng. - Nhân tự “hồng” thể hiện niềm tin vào tương lai → nét hiện đại. ⇒ Tâm hồn lạc quan, luôn hướng về ánh sáng và tương lai của Bác. 3. Kết bài: Đánh giá về nội dung và nghệ thuật.	
	d. Sáng tạo	0,5
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10,00 điểm	